

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/09/2021

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú		
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay		Người	Hàng
1		RP3+TD5+PPD	7:25	20+0+2	0+0+0		15+0+6	0+0+0	chuyen 1 Rp3-TD5
2		PPD+P4+P6+BK21	7:25	8+11+3+0	0+0+0+0		5+12+2+3	0+0+0+0	
3		TD3+PPD+P9	9:25	4+18+0	0+0+0		0+9+8	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: RP3 - TD5 - PPD	CREW: ATUÁN - Hạnh - HIẾU - Cường	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH HOÀI ĐỨC	RP3	36	1	6		66	KHI	Vietnamese
2	TU NGỌC HAI	RP3	38-39	2	10		71	KHI	Vietnamese
3	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	37	1	3		64	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3	49	1	8		68	KHI	Vietnamese
5	NGÔ THANH LÂM	RP3	33	1	3		70	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	RP3					82	KHI	Vietnamese
7	TRẦN VIỆT QUANG	RP3	48	1	6	90	70	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3	46	1	3		65	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC ANH	RP3	31	1	6		73	KHI	Vietnamese
10	ĐUƠNG HỒNG QUÂN	RP3	32	1	5		68	KHI	Vietnamese
11	PHẦN SỸ DUYỆT	RP3	47	1	6		75	KHI	Vietnamese
12	TÀ PHI KHÁNH	RP3	50	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	LAI VĂN MINH	RP3	45	1	3		61	KHI	Vietnamese
14	VŨ THANH TUẤN	RP3	53-54	2	15		70	KHI	Vietnamese
15	ĐUƠNG NHÀN	RP3	51-52	2	12		74	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH TỈNH	RP3	40-42	3	20		68	KHI	Vietnamese
17	PHẠM ĐẠO VIỆT THANH	RP3	34-35	2	14		60	KHI	Vietnamese
18	LÊ XUÂN VIỆT ANH	RP3	43-44	2	15		66	KHI	Vietnamese
19	VŨ VĂN SINH	RP3	29-30	2	6		82	KHI	Vietnamese
20	PHẠM DUY TUẤN	RP3	27-28	2	15		82	KHI	Vietnamese
21	LAM QUANG NAM	PPD	16	1	10		81	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN MINH VIỆN	PPD	14-15	2	16		74	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	20	28	161	1.405	90	15	1	CHUYỂN 1 KHÁCH TỪ RP3 SANG TD5
2	TD5	0	0	0	0	0	0		
3	PPD	2	3	26	155	0	7		
TOTAL		22	31	187	1.560	90	22		
WEIGHT KG				187	1.560	90			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2021	TO: PPD - P4 - P6 - BK21	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Hồi - Dương - PTUÂN	ETA: 09:35
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	07	1	5		69	KHI	Vietnamese
2	PHAN VĂN TÙNG	PPD	06	1	6		85	KHI	Vietnamese
3	ĐOÀN VĂN TRỰC	PPD	09	1	5		67	KHI	Vietnamese
4	BUI THANH HAI	PPD	08	1	5	20	63	KHI	Vietnamese
5	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	03-04	2	5		70	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐĂNG HUY	PPD	01	1	5		74	KHI	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	02	1	6		70	KHI	Vietnamese
8	VÔ TẠ QUANG	PPD	05	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	HA QUỐC VIỆT	P4	29	1	3		60	KHI	Vietnamese
10	PHẠM VĂN QUYÊN	P4	30	1	6		80	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	P4	36	1	7		72	KHI	Vietnamese
12	BUI HỮU LAN	P4	31	1	7	25	77	KHI	Vietnamese
13	PHẠM MỘNG THANH	P4	28	1	5		75	KHI	Vietnamese
14	LÊ VĂN HƯƠNG	P4	32	1	5		63	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH CỬ	P4	35	1	8		76	KHI	Vietnamese
16	LÊ TRUNG LAM	P4	34	1	8		70	KHI	Vietnamese
17	HOANG THAI DƯƠNG	P4	33	1	5		71	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN CHIẾN CÔNG	P4	37	1	5		70	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN THANH	P4	27	1	5		60	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN KHẮC QUỐC	P6	63-65	3	18		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	P6	59-60	2	15		63	THIEN PHU	Vietnamese
22	THAI MINH HAI	P6	61-62	2	16		80	OSB	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	8	9	42	568	20	3		
2	P4	11	11	64	774	25	12		
3	P6	3	7	49	208	0	4		
4	BK21	0	0	0	0	16	3		
TOTAL		22	27	155	1.550	61	22		
WEIGHT KG				155	1.550	61			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2021	TO: TD3 - PPD - P9	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: MI	FROM: VT	CREW: ATUÁN - Hạnh - HIẾU -	ETA: 11:20
VANG-2		Cường	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC ĐẠI	TD3	36-37	2	18		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC KHÔI	TD3	34	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
3	VU ANH TUAN	TD3	73	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	TD3	35	1	12		85	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN VINH	PPD	17	1	5		85	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	28-29	2	10		66	KHI	Vietnamese
7	LÊ MINH PHỤNG	PPD	19	1	7		75	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	13	1	6		80	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HA	PPD	14	1	6		60	KHI	Vietnamese
10	PHẠM HỒNG THAI	PPD	16	1	4		68	KHI	Vietnamese
11	HOANG HUY TIEN	PPD	15	1	6		60	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	18	1	5		53	KHI	Vietnamese
13	HUYNH NAM LONG	PPD	12	1	9	5	74	KHI	Vietnamese
14	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	26	1	8		85	KHI	Vietnamese
15	BUI THANH	PPD	23	1	4		65	KHI	Vietnamese
16	TRẦN VĂN THANH	PPD	27	1	6		60	KHI	Vietnamese
17	SUMANDA JOHNY	PPD	20	1	7	15	60	KHI	Filipino
18	MUHAMMAD MAAZ JAFRI	PPD	22	1	12		73	KHI	Pakistan
19	TRẦN TUÂN ANH	PPD	31-32	2	15		65	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TOÀN	PPD	25	1	7		63	KHI	Vietnamese
21	ĐÀU ĐÌNH TÂN	PPD	30	1	7		63	KHI	Vietnamese
22	ĐO QUỐC PHONG	PPD	24	1	9		80	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	4	5	52	313	0	0		
2	PPD	18	20	133	1.235	20	9		
3	P9	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	25	185	1.548	20	17		
WEIGHT KG				185	1.548	20			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/09/2021

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK6+BK5+P2	7:25	0+0+17	0+0+0		1+1+20	0+0+0	chuyen 4 bk6- bk5
2		P4+BK10+BK3	7:25	12+6+3	0+0+0		12+6+4	0+0+0	
3		P10+P11+TD1	7:25	17+4+1	0+0+0		14+4+4	0+0+0	
4		MRM+CTK3+BK8	9:25	18+1+0	0+0+0		16+2+4	0+0+0	
5		RP3	9:25	19	0		22	0	
6		CI+PPD	9:25	1+21	0+0		0+22	0+0	
7		P8+P9	11:25	1+21	0+0		0+21	0+0	
8		P10+P9+PPD	11:25	11+9+1	0+0+0		8+11+3	0+0+0	
9		BK15+BK4+MRM	11:25	5+5+7	0+0+0		6+5+11	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/09/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: BK6 - BK5 - P2	CREW: VThắng - ĐNam - VTHU - Tú	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUY KHANG	P2	16-17	2	20		80	YTE	Vietnamese
2	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	47	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	THAI HOANG TAM	P2	20	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VAN ĐÔNG	P2	11	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THIÊN NAM	P2	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					75	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG MINH QUAN	P2	10	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	22	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
9	VU VAN CUONG	P2	12-13	2	7		88	KH-THAC	Vietnamese
10	LE TRI HAO	P2	19	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ CÔNG ANH	P2	15	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
12	BIỆN ĐĂNG SÂM	P2	09	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TIKHONOV ANTON	P2	08	1	11		100	KH-THAC	Russian
14	ĐẶNG THANH TRUNG	P2	21	1	11		79	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN QUYET CHIEN	P2	23-24	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN MANH HUNG	P2	17	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM HIEN TRUONG	P2	18	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	0	0	0	0	25	1 + 4		CHUYEN 4 KHACH TU BK6 SANG BK5
2	BK5	0	0	0	0	15	1		
3	P2	17	19	125	1.273	0	20		
TOTAL		17	19	125	1.273	40	22		
WEIGHT KG				125	1.273	40			

GRAND TOAL: 1.438 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/09/2021	TO: P4 - BK10 - BK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - XTruong - NNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUONG THANH GIAP	P4	22	1	3		78	KHI	Vietnamese
2	DO DUC LONG	P4	54	1	3		56	KHI	Vietnamese
3	BUI DANG TIEN	P4	57	1	6		70	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN HUU LUAN	P4	23	1	3		72	KHI	Vietnamese
5	HOANG VAN HUNG	P4					79	KHI	Vietnamese
6	PHAM HUU THO	P4	20-21	2	12		68	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG KIEM	P4	24	1	6		81	KHI	Vietnamese
8	TRAN VAN THAI	P4	55	1	5		63	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN THANH GIAP	P4	72	1	3		69	KHI	Vietnamese
10	TA VAN QUYNH	P4					78	KHI	Vietnamese
11	TRINH XUAN HUYEN	P4	56	1	3		77	KHI	Vietnamese
12	LE MINH HIEU	P4	58	1	5		72	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HONG	BK10	54	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN CONG HOAN	BK10	71	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN CHAU NAM	BK10	52	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
16	NGHIEM XUAN ANH	BK10	51	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
17	DO TUAN VIET	BK10	53	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
18	MAI CAO DINH	BK10	50	1	5	25	61	PSV	Vietnamese
19	THAI HAI HA	BK3	46	1	6	10	63	KH-THAC	Vietnamese
20	LE CONG VINH	BK3	47	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI TRAN VIET	BK3	48	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	12	11	49	863	0	12		
2	BK10	6	6	40	406	25	6		
3	BK3	3	3	19	206	10	4		
TOTAL		21	20	108	1.475	35	22		
WEIGHT KG				108	1.475	35			

GRAND TOAL: 1.618 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/09/2021	TO: P10 - P11 - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Phong - Vũ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HUY TÂN	P10	53	1	8	20	66	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN DOÀN ĐỨC	P10	41	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ NGUYỄN TRUNG	P10					50	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THĂNG	P10	38	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ BAO TRUNG	P10	52	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN KHANH TOÀN	P10	46	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HUƠNG	P10	40	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HAI HÀ	P10	50-51	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG SỸ NGUYỄN	P10	43	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P10	45	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P10	49	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10	47	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO QUANG THĂNG	P10	42	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THẢO	P10	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	48	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ NGỌC ANH	P10	39	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM HỮU TRI	P10	37	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐUY HA	P11	85-86	2	14	15	75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG BĂNG	P11	84	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÀO THIÊN THUẬT	P11	87	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HIỆN	P11	83	1	4		75	PSV	Vietnamese
22	NGO THAI HÀ	TD1	78-79	2	10		62	CỤC ĐKVN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	17	17	94	1.253	20	14		
2	P11	4	5	27	283	15	4		
3	TD1	1	2	10	62	0	4		
TOTAL		22	24	131	1.598	35	22		
WEIGHT KG				131	1.598	35			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/09/2021	TO: MRM - CTK3 - BK8	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: VThắng - ĐNam - THỤ - Tú	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	YAROTCKIY ALEXANDER	MRM	77-78	2	19		85	AMNGR	Russian
2	MAISHEV VLADIMIR	MRM	66	1	3		98	AMNGR	Russian
3	KICHEV ALEXEY	MRM	67	1	20		74	AMNGR	Russian
4	RULEV SEMEN	MRM	63	1	5		128	AMNGR	Russian
5	CHERNIATEV KIRILL	MRM	69-70	2	12		73	AMNGR	Russian
6	SAVELEV NIKITA	MRM	68	1	6		92	AMNGR	Russian
7	NIKOLAENKO VADIM	MRM	60	1	12		98	AMNGR	Russian
8	POPLEVIN IGOR	MRM	59,62	2	14		100	AMNGR	Russian
9	GILAEV AZAT	MRM	58	1	5		86	AMNGR	Russian
10	SOLODUKHIN ROMAN	MRM	65	1	8		84	AMNGR	Russian
11	ZAKIROV ILNAZ	MRM	79	1	5		80	AMNGR	Russian
12	GVOZDEV ALEKSEI	MRM	64	1	5		90	AMNGR	Russian
13	POGIEV VADIM	MRM	82	1	4		88	AMNGR	Russian
14	EROFEEV DANIIL	MRM	61	1	7		100	AMNGR	Russian
15	ZAKHAROV ALEKSEI	MRM	74	1	5		76	AMNGR	Russian
16	NGUYEN KHAC VINH	MRM	71	1	6	20	70	AMNGR	Vietnamese
17	TRAN VAN THUC	MRM	75-76	2	18		61	AMNGR	Vietnamese
18	LE VAN SON	MRM	57	1	5		65	AMNGR	Vietnamese
19	TRAN VAN HUU	CTK3	93	1	6		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	18	22	159	1.548	20	16		
2	CTK3	1	1	6	60	0	2		
3	BK8	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		19	23	165	1.608	20	22		
WEIGHT KG				165	1.608	20			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/09/2021	TO: RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Phong - Vũ	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CHINH THI	RP3	59	1	5	90	74	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN HOANG NAM	RP3	97	1	6		76	KHI	Vietnamese
3	PANKRATOV P.E	RP3	98	1	9		89	KHI	Russian
4	VU MANH CUONG	RP3	57	1	3		75	KHI	Vietnamese
5	LE DUC VIET	RP3	95	1	5		72	KHI	Vietnamese
6	BUI VAN PHU	RP3	96	1	5		72	KHI	Vietnamese
7	LE HOANG ANH	RP3	01	1	4		71	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN THANH HA	RP3	99	1	5		83	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC CUONG	RP3	98	1	8		80	KHI	Vietnamese
10	LE XUAN HIEN	RP3	53	1	5		76	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN VIET KY	RP3	56	1	3		67	KHI	Vietnamese
12	ĐANG THANH SON	RP3	51	1	5		77	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HAI	RP3	99	1	11		73	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN THE	RP3	500	1	10		71	KHI	Vietnamese
15	ĐO VAN LUAN	RP3	500,49	2	10		77	KHI	Vietnamese
16	LE TRUNG TUYEN	RP3	52	1	7		80	KHI	Vietnamese
17	THAI DOAN BINH	RP3	94	1	8	20	75	NIPI	Vietnamese
18	HOANG DINH CHIEN	RP3	58	1	5		69	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN HOAI THANH	RP3	54-55	2	6		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	19	21	120	1.424	110	22		
TOTAL		19	21	120	1.424	110	22		
WEIGHT KG				120	1.424	110			

GRAND TOAL: 1.654 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/09/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: CLI - PPD	CREW: HUNG - XTruong - NNam	ETA: 11:30
NAU2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CONG LAM	CLI	44	1	10	30	74	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH NGOC QUY	PPD	57	1	7		74	KHI	Vietnamese
3	ĐANG HONG QUAN	PPD	50	1	10		74	KHI	Vietnamese
4	VÔ QUANG ĐẠT	PPD	61-62	2	10		54	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN TRUONG NHAT MINH	PPD	52	1	10		81	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN VIET ĐAI	PPD	67	1	5		71	KHI	Vietnamese
7	ĐANG PHUC THANG	PPD	60	1	4		85	KHI	Vietnamese
8	NGHIEM XUAN MINH	PPD	69	1	10		63	KHI	Vietnamese
9	HOANG ĐUC LAM ANH	PPD					84	KHI	Vietnamese
10	ĐAO ANH TUAN	PPD	71	1	3		70	KHI	Vietnamese
11	BUI NGOC HUONG	PPD	65-66	2	10		64	KHI	Vietnamese
12	TRAN SON NAM	PPD	59	1	8		85	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN CHIEN	PPD	51	1	10		54	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN HUY TRUONG	PPD	54-55	2	4		67	KHI	Vietnamese
15	CHU MINH PHUONG	PPD	63	1	11		93	KHI	Vietnamese
16	KHONG TIEN DUNG	PPD	58	1	7		74	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN VAN LAM	PPD	68	1	11		98	ANTOAN	Vietnamese
18	ĐO DUY LICH	PPD	64	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
19	VÔ MẠU MÊN	PPD	53	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN LE RANG	PPD	56	1	7		84	KHI	Vietnamese
21	SAVELEV V.V.	PPD	47-49	3	20		118	NIPi	Russian
22	LE HUU TU	PPD	70	1	10		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	1	1	10	74	30	0		
2	PPD	21	25	170	1.604	0	22		
TOTAL		22	26	180	1.678	30	22		
WEIGHT KG				180	1.678	30			

GRAND TOAL: 1.888 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/09/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:50
FLIGHT: 7	TO: P8 - P9	CREW: LTuấn - VThắng - Toan	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BẢO TOÀN	P8	39	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG HIỆU	P9	62	1	10	55	77	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ ĐỨC HIỆN	P9	66-67	2	20		53	YTE	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC CHÂN	P9	65	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN QUÊ	P9	59	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	P9	53	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN DUY ANH	P9	57	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯƠNG THẾ DŨNG	P9	56	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TÂM THUY	P9	50	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN LINH	P9	69-70	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ LĂNG TÚ	P9	47	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ NAM GIANG	P9	60-61	2	8		77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	63	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	51	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐÀ KHA	P9	48	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRỊNH THẾ NHÂN	P9	68	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HUY	P9	54	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH HIỆN	P9	52	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	64	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN HỮU TRI	P9	55	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG ĐỨC HẢI	P9	58	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI CÔNG THẮNG	P9	49	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	1	1	5	80	0	0		
2	P9	21	24	155	1.483	55	22		
TOTAL		22	25	160	1.563	55	22		
WEIGHT KG				160	1.563	55			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/09/2021	TO: P10 - P9 - PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:55
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Hạnh - Dương - Huy	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN HUÂN	P10	60	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRINH XUAN QUAN	P10	56	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VIET ANH	P10	58	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN BAO TOAN	P10	62	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN MANH HUNG	P10	61	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	HUYNH CONG VAN	P10	57	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN MINH BACH	P10	63	1	6		60	PSV	Vietnamese
8	BUI VAN NGUYEN	P10	55	1	5		70	PSV	Vietnamese
9	ĐO ĐAI DUONG	P10	59	1	7		57	PSV	Vietnamese
10	VU XUAN TIEN	P10	64	1	8		70	PSV	Vietnamese
11	PHAM TIEN PHUONG	P9	38	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRINH HUY KHIEM	P9	29	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN ĐUC THANH	P9	32	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN NGOC ĐO	P9	31	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM CONG TUAN	P9	42	1	5		60	PSV	Vietnamese
16	VU VAN PHUC	P9	41	1	7		55	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN QUANG	P9	40	1	7		62	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC TUAN	P9	39	1	7		70	PSV	Vietnamese
19	ĐAO VAN DUNG	P9	30	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	LUONG MANH GIANG	PPD	46	1	7		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	10	10	58	690	0	8		
2	P9	9	9	54	604	0	10		
3	PPD	1	1	7	67	0	4		
TOTAL		20	20	119	1.361	0	22		
WEIGHT KG				119	1.361	0			

GRAND TOAL: 1.480 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/09/2021	TO: BK15 - BK4 - MRM	AIRCRAFT: 846	ETD: 12:00
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: HUNG - XTruong -	ETA: 13:40
HONG-3		MQUAN - Cuong	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU LUU	BK15	07	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HOANG KHA	BK15	06	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
3	LUU TIEN THANH	BK15	02	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN QUANG HOANG	BK15	03	1	11	6	63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TRUNG	BK15	01	1	10		79	PSV	Vietnamese
6	TRAN KHIEM HIEU	BK15	04-05	2	10		64	KH-THAC	Vietnamese
7	KURPASOV	BK4	79	1	5	20	78	KH-THAC	Russian
8	TONG TRUNG HUY	BK4	77	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
9	HO HUU LINH	BK4	75	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
10	HO VAN DUC	BK4	79	1	5		68	PSV	Vietnamese
11	ĐINH VAN LUU	BK4	86	1	5		52	PSV	Vietnamese
12	PHAM MINH CUONG	MRM	23	1	5		60	AMNGR	Vietnamese
13	NGUYEN DUY THANH	MRM	24	1	15		80	AMNGR	Vietnamese
14	LE TIEN THUONG	MRM	21-22	2	12		68	AMNGR	Vietnamese
15	ALEXANDER POPOV	MRM	77-78	2	10		87	HALLIBUR	Russian
16	KIRICHENKO K.P.	MRM	79	1	13		79	KHOAN	Russian
17	BUI BACH DUONG	MRM	20	1	11		74	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN HAM HA	MRM	76	1	4		63	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	6	7	55	433	6	6		
2	BK4	5	5	29	356	20	5		
3	MRM	7	9	70	511	0	11		
TOTAL		18.	21	154	1.300	26	22		
WEIGHT KG				154	1.300	26			

GRAND TOAL: 1.480 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN